

Số: /TB-UBND

Xã Tuệ Tĩnh, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương

Thực hiện Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương.

UBND xã Tuệ Tĩnh thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính theo Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng tại Trung tâm phục vụ hành chính công và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ: <https://tuetinh.haiphong.gov.vn> (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

UBND xã Tuệ Tĩnh thông báo để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Phòng Kinh tế;
- VP HĐND-UBND;
- TT PVHCC; TT Văn hóa TT&TT;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TT PV HCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Thanh Tùng

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Thông báo số : 68/TB-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã Tuệ Tĩnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC ĐIỆN		
1.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
3.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
4.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
5.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng).	
6.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
7.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
8.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
9.	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	

II	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC		
10.	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	
12.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
13.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
14.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
15.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
16.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	
17.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	
18.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	
19.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	
20.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	
21.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	
22.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết	

		bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	
23.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
24.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
25.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	
IV	LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP		
26.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
V	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)		
27.	1.001158	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghệ hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VI	LĨNH VỰC THỦ CÔNG MỸ NGHỆ (01 TTHC)		
28.	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VII	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01 TTHC)		
29.	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
VIII	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)		
30.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ

			hành chính công cấp xã.
IX	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI (02 TTHC)		
31.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
32.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
X	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (39 TTHC)		
33.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
34.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
35.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
36.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
37.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
38.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
39.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
40.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
41.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
42.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.

43.	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
44.	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
45.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
46.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
47.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
48.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
49.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
50.	2.000142	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
51.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
52.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
53.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
54.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	
55.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	
56.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	
57.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	
58.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành

59.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
60.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	
61.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
62.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
63.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
64.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
65.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
66.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
67.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
68.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
69.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
70.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
71.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
XI	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (33 TTHC)		
72.	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	- Trung tâm Phục vụ
73.	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công	

		nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	hành chính công thành phố Hải Phòng. - - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
74.	1.003992	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
75.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
76.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	
77.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	
78.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
79.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
80.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
81.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
82.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
83.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
84.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
85.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
86.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
87.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
88.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
89.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
90.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
91.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
92.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành

93.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
94.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
95.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
96.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
97.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
98.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
99.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
100.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
101.	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	
102.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	
103.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	
104.	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	
XII LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP (07 TTHC)			
105.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
106.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	
107.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công
108.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội	

		dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
109.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	
110.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	
111.	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
XIII	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ (2 TTHC)		
112.	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
113.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XIV	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (13 TTHC)		
114.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
115.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
116.	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	
117.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	
118.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	
119.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	
120.	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	
121.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.

122.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
123.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	
124.	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	
125.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	
126.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
XV	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (12 TTHC)		
127.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
128.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
129.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
130.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
131.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
132.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	
133.	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	
134.	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm	
135.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An	

		toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
136.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	
137.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	
138.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	
XVI	- LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (02 TTHC)		
139.	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
140.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	
XVII	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA (03 TTHC)		
141.	1.013989	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
142.	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
XVIII	LĨNH VỰC HÓA CHẤT (29 TTHC)		
143.	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
144.	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
145.	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	
146.	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
147.	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
148.	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ
149.	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	

150.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	hành chính công cấp xã.
151.	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
152.	1.012431	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	
153.	2.000257	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
154.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
155.	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
156.	1.012434	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
157.	1.012441	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
158.	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	
159.	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	
160.	1.012441	Cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
160.	1.012441	Cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
161.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
162.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	
163.	2.001547	Cấp GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
164.	2.001175	Cấp lại GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục
165.	2.001172	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
166.	1.002758	Cấp GCN ĐDK kinh doanh hóa	

		chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	vụ hành chính công cấp xã.
167.	2.001161	Cấp lại GCN ĐĐK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
168.	2.000652	Cấp điều chỉnh GCN ĐĐK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
169.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
170.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
171.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
XIX	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (10 TTHC)		
172.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
173.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
174.	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
175.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
176.	2.000172	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	
177.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục

		thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	vụ hành chính công cấp xã.
178.	1.000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	
179.	1.000965	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	
180.	2.001434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
181.	2.001433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
XX	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ (02 TTHC)		
182.	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
183.	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
184.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
185.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
186.	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
187.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	
XXII	LĨNH VỰC DẦU KHÍ (01 TTHC)		
188.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XXIII	- LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (12 TTHC)		
189.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.
190.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký	

		hoạt động kiểm định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
191.	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
192.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
193.	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	
194.	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
195.	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
196.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	
197.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
198.	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
199.	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
200.	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	
XXIV	- LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU		
201.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
202.	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	
203.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
204.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
205.	1.013991	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng.

		quốc phòng, an ninh)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
206.	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
207.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	
208.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	
209.	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	
210.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	
211.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	
212.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	
213.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
214.	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	
215.	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	
216.	1.001104	Cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	
217.	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	
218.	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
219.	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	
220.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng	

		miễn thuế	
XXV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ		
221.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
222.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	
223.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	
224.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	
225.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
226.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
227.	2.0000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
228.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
229.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
230.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình	

		của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
231.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
232.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	
233.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
234.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
235.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
236.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
237.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
238.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
239.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
240.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
241.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
242.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
243.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân	

		nước ngoài tại Việt Nam	
244.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
245.	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
246.	2.000314	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
XXVI	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP CẢNH		
247.	3.000242	Thủ tục cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
XXVII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG		
248.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
249.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	
XVIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		
250.	1.009794	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC		
1.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
3.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
4.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
5.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
6.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
7.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
8.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
9.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ		
10.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
11.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính	
12.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
III	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ		
13.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
14.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	
IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG		
15.	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

V	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)		
16.	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.